

Số: 16 /2016/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 11 tháng 8 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, ngày 27 tháng 1 năm 2014 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP, ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính về Quy định khoán chi thực hiện khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKH-CN, ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKH-CN, ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 10/2014/TT-BKH-CN, ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKH-CN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh tại Tờ trình số 456/TTr-SKH-CN, ngày 17 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và

thay thế Quyết định số 1421/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Quy định quản lý các Đề tài, Dự án khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT. *VS*

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



VS
Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH

Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16 /2016/QĐ-UBND,
ngày 18 /8 /2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) trên địa bàn tỉnh Hà Giang bao gồm:

a) Ở cấp tỉnh đối với Đề tài khoa học và công nghệ, Dự án sản xuất thử nghiệm, Dự án khoa học và công nghệ, Đề án khoa học, Chương trình khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Ở cấp Sở, ngành; UBND huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là cấp cơ sở) đối với Đề tài, Dự án khoa học và công nghệ do các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố của tỉnh Hà Giang phê duyệt.

2. Những nội dung không quy định tại Quy định này thực hiện theo các văn bản hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải bảo đảm tính công khai, dân chủ và khách quan. Thông báo tuyển chọn và kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định hiện hành. Thông tin chi tiết được đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ

2. Việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải bảo đảm tính tập trung, toàn diện và thống nhất; Có sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ ...

3. Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ có duy nhất 01 (một) tổ chức chủ trì và 01 (một) cá nhân chủ trì thực hiện. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ

4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phải thực hiện theo hình thức đề xuất và đặt hàng.

5. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ ở cấp nào thì do cấp đó tổ chức thực hiện và quản lý.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Mã số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được ghi như sau: ĐTKH.HG-XX/YY, DAKH.HG-XX/YY, ĐTXH.HG-XX/YY, ĐAKH.HG-XX/YY, CTKH.HG-XX/YY.

Trong đó:

1. ĐTKH là ký hiệu chung cho các đề tài thuộc lĩnh vực KH&CN.
2. DAKH là ký hiệu chung cho các dự án thuộc lĩnh vực KH&CN.
3. ĐTXH là ký hiệu chung cho các đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.
4. ĐAKH là ký hiệu chung cho các đề án KH&CN.
5. CTKH là ký hiệu chung cho các chương trình KH&CN.
6. Nhóm HG là ký hiệu viết tắt tên tỉnh Hà Giang.
7. Nhóm XX là nhóm 2 chữ số ghi số thứ tự của các nhiệm vụ KH&CN sắp xếp theo từng nhóm ĐTCN, DACN, ĐTXH ...trong năm bắt đầu thực hiện.
8. Nhóm YY là nhóm 02 chữ số ghi hai số cuối của năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN.
9. Giữa nhóm các chữ cái ký hiệu lĩnh vực với nhóm chữ cái ký hiệu tên tỉnh là dấu chấm; giữa nhóm chữ cái ký hiệu tên tỉnh với nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ là dấu gạch ngang; giữa nhóm chữ số thứ tự nhiệm vụ với nhóm chữ số ký hiệu năm bắt đầu thực hiện là dấu gạch chéo.

Mã số nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được lấy theo mã số nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và thêm chữ cái in hoa đầu tiên của tên đơn vị Sở, ngành, địa phương ở sau cùng và trong dấu ngoặc đơn.

Điều 5. Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thành phố quyết định thành lập các Hội đồng KH&CN (sau đây gọi tắt là Hội đồng) cấp mình theo các quy định hiện hành. Hội đồng được thành lập tương ứng với từng nội dung như sau:

1. Tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN.
2. Mở hồ sơ nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn.
3. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuyển chọn.
4. Thẩm định nhiệm vụ KH&CN.
5. Đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 6. Tài chính thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được phân bổ từ nguồn ngân

sách nhà nước hàng năm. Bao gồm kinh phí thực hiện các nội dung và kinh phí quản lý các nhiệm vụ.

2. Kinh phí thực hiện nội dung của nhiệm vụ KH&CN gồm kinh phí được hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN, các nguồn hợp pháp khác. Nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh được cân đối về Sở KH&CN; cấp cơ sở được cân đối về Ủy ban nhân dân huyện và các Sở, Ban, ngành để giao cho tổ chức chủ trì chi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo tiến độ của hợp đồng.

Khuyến khích tổ chức và cá nhân tham gia các nhiệm vụ KH&CN huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.

3. Việc xây dựng dự toán, quản lý, cấp phát, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính KH&CN hiện hành.

Điều 7. Xác định nhiệm vụ, tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và thẩm định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Việc xác định nhiệm vụ KH&CN, tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và thẩm định các nhiệm vụ KH&CN các cấp được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ KH&CN.

2. Hàng năm việc xác định nhiệm vụ KH&CN các cấp được thông qua Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cùng cấp. Kết quả của Hội đồng là cơ sở để cơ quan quản lý ở cấp đó xem xét tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt danh mục.

3. Quyết định phê duyệt triển khai nhiệm vụ KH&CN

a) Kết quả của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ KH&CN là cơ sở để cơ quan quản lý ở cấp đó tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định phê duyệt triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

b) Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cơ quan quản lý tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt triển khai đối với nhiệm vụ KH&CN có mức kinh phí từ 500 triệu đồng trở lên. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định phê duyệt triển khai nhiệm vụ KH&CN với mức dưới 500 triệu đồng.

3) Trong trường hợp cần thiết cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN trình Ủy ban nhân dân cấp mình phê duyệt bổ sung nhiệm vụ KH&CN.

Điều 8. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với nhiệm vụ cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện.

Đối với nhiệm vụ cấp cơ sở: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Sở, ngành ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

2. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN tuân thủ theo quy định hiện hành do Bộ KH&CN quy định.

Điều 9. Điều chỉnh hợp đồng thực hiện

1. Tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí trong tổng kinh phí được giao khoán theo hướng dẫn chế độ khoán chi kinh phí của nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính - Bộ KH&CN ban hành.

2. Cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN xem xét, quyết định điều chỉnh về: tên, nội dung nhiệm vụ KH&CN, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thời gian thực hiện, kinh phí và phương thức giao khoán thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp trước khi quyết định điều chỉnh.

Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng và thời gian điều chỉnh không quá 12 tháng.

Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

3. Trường hợp đặc biệt do Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

Điều 10. Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước việc đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo thông tư hướng dẫn của Bộ KH&CN về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước do tổ chức, cá nhân tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu. Trường hợp tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức đánh giá, nghiệm thu thì có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN địa phương xem xét đánh giá, nghiệm thu. Kinh phí tổ chức các hội đồng do đơn vị đề nghị chi trả theo quy định.

3. Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước nhưng có phạm vi ứng dụng rộng rãi trong tỉnh hoặc có ảnh hưởng đến lợi ích của tỉnh, quốc phòng - an ninh, môi trường, sức khỏe và đời sống của nhân dân phải được Sở KH&CN tổ chức thẩm định trước khi ứng dụng.

Điều 11. Quản lý sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tài sản được mua sắm, hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 12. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN theo văn bản hướng dẫn của Bộ KH&CN.

2. Việc đăng ký lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ thực hiện

đôi với các nhiệm vụ khoa học đã được Hội đồng KH&CN cùng cấp đánh giá, nghiệm thu ở mức “Đạt” trở lên”.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước được khuyến khích đăng ký, lưu giữ tại cơ quan có thẩm quyền tại địa phương sau khi có văn bản thẩm định kết quả của cơ quan nhà nước quản lý về KH&CN.

4. Tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại cơ quan quản lý về KH&CN chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp có thẩm quyền công nhận.

Điều 13. Công bố, sử dụng và chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN các cấp, cơ quan đề xuất đặt hàng tổ chức triển khai ứng dụng kết quả trong thực tiễn sau khi được đánh giá, nghiệm thu, hoặc bàn giao cho cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân cùng cấp giao trách nhiệm tiếp nhận để tổ chức ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trường hợp cơ quan đề xuất đặt hàng không thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân các cấp giao nhiệm vụ ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN hàng năm có báo cáo (trước 15/11 hàng năm) gửi đến Cơ quan quản lý về tình hình ứng dụng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp.

3. Cơ quan quản lý về Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lưu giữ, bảo quản các văn bản, tài liệu, hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại cấp mình; Công bố danh mục kết quả các nhiệm vụ KH&CN đã được nghiệm thu trên Website của cấp mình; Đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh việc ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN trong thực tiễn.

4. Đối với nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước mà tổ chức, cá nhân không có khả năng tự tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu thì có quyền đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét tạo điều kiện ứng dụng.

5. Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước được tổ chức, cá nhân hiến, tặng cho Nhà nước thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, lưu giữ và xem xét tổ chức ứng dụng.

Điều 14. Khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt công nghệ cao và khai thác, sử dụng sáng chế để đổi mới quản lý kinh tế - xã hội, đổi mới công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa được hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng và ưu đãi khác theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, tổ chức dịch vụ KH&CN được hỗ trợ, ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật để đưa nhanh kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

3. Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động Tỉnh, Hội Nông dân Tỉnh, Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Tỉnh và các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các doanh nghiệp, theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tạo điều kiện để thành viên ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 15. Quyền sở hữu, quyền tác giả đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh

1. Cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN có quyền sở hữu, chuyển giao kết quả KH&CN đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước, nếu không có thoả thuận khác trong hợp đồng KH&CN.

2. Tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN là tác giả của nhiệm vụ đó, nếu không có thoả thuận khác trong hợp đồng KH&CN.

3. Các quyền sở hữu, quyền tác giả ngoài các nội dung trên thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các Hội đồng xác định nhiệm vụ KH&CN; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

2. Chủ trì tổ chức thẩm định (nội dung, kinh phí), trình UBND tỉnh phê duyệt triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN; chủ trì cấp phát và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành;

3. Chủ trì kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN; điều chỉnh hợp đồng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định này;

4. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN; trình công nhận kết quả nghiệm thu, bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng;

5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật KH&CN và các văn bản liên quan.

Điều 17. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN ở cấp nào thì được gửi về cơ quan quản lý nhiệm vụ cấp đó.

2. Phối hợp với cơ quan quản lý về KH&CN trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN;

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp hội đồng tư vấn KH&CN theo đề xuất

của cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN.

4. Phối hợp kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý;

5. Tổ chức ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống theo quy định tại Điều 13 Quy định này.

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo văn bản hiện hành.

Điều 19. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ

1. Định kỳ 04 tháng một lần hoặc theo yêu cầu đột xuất của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN xây dựng báo cáo tiến độ hoặc báo cáo theo nội dung yêu cầu gửi về cơ quan quản lý để tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp tổ chức chủ trì không thực hiện việc báo cáo tiến độ đúng quy định thì sẽ bị dừng cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ và tùy theo mức độ xử lý theo quy định.

2. Cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN chủ trì, phối hợp với cơ quan đặt hàng, tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tiến độ thực hiện, nội dung, kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ cùng cấp theo hợp đồng đã ký.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy định này, thông báo rộng rãi quy định này trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./. ✍

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn